

Bản án số: 283/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 7 - 2021
V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình
- Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân
2. Ông Huỳnh Văn Súc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2021, tranh chấp về Hôn nhân và gia đình “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: ấp Hưng Th, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp Hưng Th, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Ph và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/12/2020 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Hôn nhân của chị và anh H do mai mối, có tổ chức lễ cưới vào năm 1996, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 200, ngày 15/12/2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, nhiều lần chửi mắng, đánh đập chị, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Đến năm 2019, không thể chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ

về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay không hàn gắn chung sống lại được với nhau, chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc R, sinh ngày 15/02/1998 (đã trưởng thành, tự lập được) và Trần Thị Huỳnh Nh sinh ngày 17/9/2004 đang sống với anh H. Chị Ph đồng ý cho anh H tiếp tục nuôi con (Nh) chị tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung thành niên tự lập được.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2021 anh Trần Thanh H trình bày: anh và chị Ph có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, và thừa nhận nhiều lần uống rượu, chửi mắng, đánh đập chị Ph (do trong lúc nóng giận và nhớ đến chuyện chị Phương làm ăn gây nợ anh phải ra trả nhiều lần), anh và chị Ph đã chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2020, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh không đồng ý ly hôn. Về con chung thống nhất như chị Ph trình bày và tùy nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị Ph và anh H được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sau thời gian dài khi ly thân đến nay không hàn gắn, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Ph xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Trần Thanh H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hưng Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph, anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài ly thân mà anh, chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; điều này phù hợp lời trình bày của chị Ph, anh H và cháu Trần Thị Ngọc Ri (con chị Ph và anh H); do đó, chị Ph yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: Chị Phương và anh H có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc R, sinh ngày 15/02/1998 (đã trưởng thành, tự lập được) và Trần Thị Huỳnh Nh sinh ngày 17/9/2004 đang sống với anh H; cháu Như có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao cháu Nh cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; ghi nhận sự tự nguyện của chị Ph cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung thành niên tự lập được; phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự. Anh H phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Ph đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh H không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với cháu R đã thành niên tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Ph và anh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn với anh Trần Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 200, ngày 15/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần Thanh H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Trần Thanh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2004 đến thành niên hoặc tự lập được; chị Ph tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu Nh thành niên hoặc tự lập được; phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự.

Anh H phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Phương đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Đối với con chung tên Trần Thị Ngọc R sinh ngày 15/02/1998 đã thành niên, tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí hôn nhân,

gia đình 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng 300.000đ; tổng công là 600.000đ được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001857 ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang còn lại 300.000đ tiếp tục nộp. Anh H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyên